TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG ANA** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/KDTM -ST
Ngày: 13 - 11 - 2018
V/v Tranh chấp hợp đồng đại lý

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA, TỈNH ĐẮK LẮK

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tuyên.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thế Chiến
2. Ông Phạm Hồng Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Nghĩa – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2018 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Krông Ana xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh – Thương mại thụ lý số 01/2018/TLST – KDTM ngày 14 tháng 5 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng đại lý" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2018/QĐXXST-KDTM ngày 04 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Công ty cổ phần N.

Địa chỉ: Đường Nt, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lương Danh H - Phó giám đốc Công ty N. (Giấy ủy quyền ngày 26/4/2018), có mặt.

-*Bị đơn:* Ông Đỗ C, bà Nguyễn Thị H (chủ đại lý).

Địa chỉ: Đường Nt, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26/4/2018 và quá trình tố tụng tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lương Danh H trình bày:

Ngày 01/10/2011 Công ty cổ phần N (dưới đây gọi tắt là Công ty) ký hợp đồng đại lý với ông Đỗ C, bà Nguyễn Thị H (chủ đại lý) do ông Đỗ C làm đại diện để làm đại lý với Công ty, thời hạn hợp đồng từ ngày 01/10/2011 đến ngày 30/9/2012, trong thời gian từ tháng 4/2011 đến tháng 3/2012 Công ty nhiều lần

giao cho ông Đỗ C, bà Nguyễn Thị H là chủ đại lý thuốc bảo vệ thực vật, đại lý đã tiêu thụ hết sản phẩm, nhưng ông C, bà H chưa thanh toán đủ tiền cho công ty theo hợp đồng ký kết. Tại Điều 3 hợp đồng quy định phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán có ghi tiền chậm: (chậm tối đa 60 ngày): sau khi thống nhất thanh toán với bên A, bên B nhận hàng và thanh toán hết giá trị lô hàng cho bên A không quá 60 ngày. Nếu bên B trả tiền lô hàng chậm từ ngày thứ 61 trở đi thì sẽ bị phạt lãi thanh toán....%/ngày/giá trị lô hàng.

Ngày 01/8/2014 tại biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ, ông C đã ký xác nhận còn nợ Công ty 53.885.066đ, hai bên thỏa thuận ông C, bà H phải trả cho Công ty ngày 15/8/2014 là 10.000.000đ, ngày 30/8/2014 là 10.000.000đ, ngày 15/9/2014 là 10.000.000đ, số tiền còn lại 23.885.000đ phải trả vào ngày 30/9/2014, đại lý phải thanh toán đúng lộ trình, nếu không thực hiện công ty tính lãi từ ngày 25/4/2012 lãi suất 0,05% ngày quá hạn.

Tại biên bản làm việc ngày 02/6/2017 giữa công ty với đại lý do bà Nguyễn Thị H đại diện làm việc xác định còn nợ của công ty số tiền 53.885.066đ, đại lý cam kết thanh toán trong tháng 9/2017 là 5.000.000đ nhưng ông C, bà H vẫn không trả nợ cho công ty.

Công ty yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đỗ C, bà Nguyễn Thị H phải trả Công ty tiền gốc 53.885.066đ, công ty xin rút yêu cầu tính tiền lãi.

Tại phiên tòa: Đại diện VKSND huyện Krông Ana phát biểu ý kiến: Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp là*"Tranh chấp hợp đồng đại lý"*. Bị đơn cư trú tại huyện K nên Toà án nhân dân huyện Krông Ana thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử trong thời hạn luật định, đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tư cách tham gia tố tụng: Xác định đúng tư cách đương sự quy định tại Điều 68 BLTTDS. Về thu thập chứng cứ Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 97 BLTTDS.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự, bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đương sự.

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 175 Luật thương mại. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Đỗ C, bà Nguyễn Thị H phải trả nợ cho nguyên đơn số tiền gốc là 53.885.066đ.

Về án phí: buộc bị đơn chịu án phí kinh doanh thương mại là 3.000.000đ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Đỗ C, bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ do còn nợ tiền hàng nhận đại lý của nguyên đơn, cả nguyên đơn và bị đơn đều có giấy phép kinh doanh, bị đơn làm đại lý bán thuốc bảo vệ thực vật của nguyên đơn, đều có mục đích lợi nhuận, đây là vụ án kinh doanh – thương mại về tranh chấp hợp đồng đại lý, quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn cư trú tại đường Nt, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk;

[3] Về yêu cầu khởi kiện: Nguyên đơn Công ty cổ phần N khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Đỗ C, bà Nguyễn Thị H phải thanh toán số tiền còn nợ gốc là 53.885.066đ. Chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm Hợp đồng đại lý thuốc bảo vệ thực vật số 103/HĐĐL ngày 01/10/2011 giữa bên giao đại lý là Công ty cổ phần N và bên nhận đại lý là đại lý Đỗ C do ông Đỗ C làm đại diện ký.

Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ ngày 01/8/2014 giữa Công ty cổ phần N và đại diện đại lý do ông Đỗ C ký. Xác nhận đại lý còn nợ của công ty số tiền 53.885.066đ;

Biên bản đối chiếu công nợ ngày 14/01/2015 giữa đại diện Công ty cổ phần N và đại diện đại lý: Đỗ C (H C) do bà H ký và biên bản làm việc ngày 02/6/2017 giữa đại diện bên bán hàng - Công ty cổ phần N và đại diện bên mua hàng - đại lý: H C (Đỗ C) do bà H ký xác nhận còn nợ Công ty 53.885.066đ.

Bị đơn ông C, bà H được thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng không có ý kiến, không đến Tòa án để làm việc, Công ty đã đề nghị Tòa án tiến hành thu thập chữ viết và chữ ký của ông ông C, bà H để tiến hành giám định.

Tại kết luận giám định số 86/PC09 ngày 20/8/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Đỗ C tại các vị trí sau: dưới mục "Đại diện bên B" trong tài liệu cần giám định ký hiệu A1 và dưới mục "Bên mua" trong tài liệu cần giám định ký hiệu A2 so với mẫu chữ viết, chữ ký đứng tên Đỗ C dưới mục "Những người ủy quyền" trong tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, là do cùng một người ký và viết ra.

Chữ viết, chữ ký mang tên Nguyễn Thị H tại các vị trí sau: dưới mục "Đại diện đại lý" trong tài liệu cần giám định ký hiệu A3 và dưới mục "Đại diện người

mua" trong tài liệu cần giám định ký hiệu A4 so với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Thị H dưới mục "Những người ủy quyền" trong tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, là do cùng một người ký và viết ra.

Do đó, có đủ cơ sở kết luận việc ông Đỗ C, bà Nguyễn Thị H có hợp đồng đại lý với công ty N và hiện còn nợ của công ty số tiền gốc là 53.885.066đ, đã quá thời hạn trả nợ nhưng không trả được nợ là vi phạm Điều 3 của Hợp đồng số 103/HDDDL ngày 01/10/2011, vi phạm nghĩa vụ của bên đại lý quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 175 của Luật thương mại.

Cần buộc ông Đỗ C, bà Nguyễn Thị H phải trả cho Công ty cổ phần N số tiền nợ gốc là 53.885.066đ là phù hợp.

[4] Về yêu cầu tiền lãi: Tại phiên tòa nguyên đơn xin rút yêu cầu tính tiền lãi, nên đình chỉ về yêu cầu tính tiền lãi là phù hợp.

[5] Về chi phí giám định: Do kết quả giám định chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 161 của Bộ luật tố tụng dân sự, buộc bị đơn phải chịu chi phí giám định là 4.320.000^{đ}. Nguyên đơn Công ty cổ phần N được nhận lai số tiền tạm ứng chi phí giám định 4.320.000^{đ} sau khi thu được tiền chi phí giám định của ông C, bà H.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị đơn ông Đỗ C, bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 3.000.000đ.

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 161, điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 2 Điều 244, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2, khoản 3 Điều 175 của Luật thương mại, Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần N.

Buộc ông Đỗ C, bà Nguyễn Thị H (chủ đại lý H C) phải trả cho Công ty cổ phần N số tiền gốc là 53.885.066đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn

phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính tiền lãi của nguyên đơn Công ty cổ phần N.

2/ Về án phí: Buộc bị đơn bà ông Đỗ C, bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm là 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

Hoàn trả cho nguyên đơn Công ty cổ phần N số tiền 2.655.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 5615 ngày 11/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

3/ Về chi phí giám định:

Bị đơn ông Đỗ C, bà Nguyễn Thị H phải chịu chi phí giám định là 4.320.000^{đ}. Nguyên đơn Công ty cổ phần N được nhận lai số tiền tạm ứng chi phí giám định 4.320.000^{đ} sau khi cơ quan thi hành án dân sự thu được tiền chi phí giám định của ông C, bà H.

Nguyên đơn có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh;
- VKS huyện, VKS tỉnh;
- Chi cục THADS H. K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Đình Tuyên